

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ
VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	03 - 05
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	08 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc	12 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2018 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600324084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2003, thay đổi lần thứ 08 ngày 25 tháng 05 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 29.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Hữu Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Anh Tú	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Vi Trung Sơn	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên
Ông Hoàng Như Đô	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Văn Bảy	Thành viên
Ông Hoàng Minh Tuấn	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Hữu Tuấn	Giám đốc
Ông Vi Trung Sơn	Phó Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại lô 55 đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5. Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2018. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

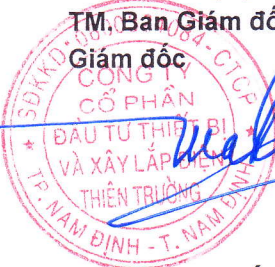
8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nam Định, ngày 13 tháng 8 năm 2018

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Hoàng Hữu Tuấn

5
C
H
/

Số: 79/2018/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường được lập ngày 13 tháng 08 năm 2018, từ trang 08 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Trần Thị Nguyệt
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0589-2018-242-1

14 01 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.136.109.135	34.442.925.419
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.910.457.642	1.630.617.029
1. Tiền	111	5.1	1.910.457.642	1.630.617.029
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.201.354.647	25.491.254.580
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	13.678.402.972	24.010.490.006
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	520.560.159	1.480.764.574
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	4.002.391.516	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	7.004.431.824	7.280.142.733
1. Hàng tồn kho	141		7.004.431.824	7.280.142.733
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.865.022	40.911.077
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.905.311	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	11.959.711	40.911.077
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.777.657.105	14.944.137.789
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		497.379.308	248.689.654
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	497.379.308	248.689.654
II. Tài sản cố định	220		14.280.277.797	14.695.448.135
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	14.233.266.100	14.644.023.210
- Nguyên giá	222		17.596.402.786	17.596.402.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.363.136.686)	(2.952.379.576)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	47.011.697	51.424.925
- Nguyên giá	228		112.752.000	112.752.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.740.303)	(61.327.075)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		41.913.766.240	49.387.063.208

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 01 a- DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.432.610.858	18.141.559.211
I. Nợ ngắn hạn	310		10.432.610.858	15.591.559.211
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	1.932.610.857	11.558.754.743
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	-	724.388.271
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1	96.416.113
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	-	12.000.084
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	8.500.000.000	3.200.000.000
II. Nợ dài hạn	330		-	2.550.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	-	2.550.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.13	31.481.155.382	31.245.503.997
I. Vốn chủ sở hữu	410		31.481.155.382	31.245.503.997
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.550.000.000	29.550.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1.931.155.382	1.695.503.997
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.695.349.916	831.787.778
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		235.805.466	863.716.219
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		41.913.766.240	49.387.063.208

Nam Định, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập

Nguyễn Minh Khuê

Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Mến

Giám đốc



Hoàng Hữu Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 02a – DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	14.204.163.437	105.564.644.717
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.204.163.437	105.564.644.717
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	11.511.957.836	101.777.291.247
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.692.205.601	3.787.353.470
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	2.616.864	53.945.788
7. Chi phí tài chính	22	6.5	270.711.441	241.791.160
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		270.711.441	241.791.160
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	2.129.322.243	3.084.631.768
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		294.788.781	514.876.330
11. Thu nhập khác	31	6.6	52	11.295.441
12. Chi phí khác	32	6.7	32.000	1
13. Lợi nhuận khác	40		(31.948)	11.295.440
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		294.756.833	526.171.770
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	58.951.367	105.234.354
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		235.805.466	420.937.416
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		80	142
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập



Nguyễn Minh Khuê

Kế toán trưởng



Trần Thị Hồng Mến

Nam Định, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Giám đốc



Hoàng Hữu Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a – DN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		294.756.833	526.171.770
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		415.170.338	274.866.693
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.616.864)	(53.945.788)
- Chi phí lãi vay	06		270.711.441	241.791.160
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(154.081)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		977.867.667	988.883.835
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.062.256.334	(24.535.853.988)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		275.710.909	25.864.072.566
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.487.899.720)	3.074.112.119
- Tiền lãi vay đã trả	14		(270.711.441)	(241.791.160)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.000.000)	(90.443.844)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.472.776.251)	5.058.979.528
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(4.993.700.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	273.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.753.453.182
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.616.864	53.945.788
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.616.864	(2.913.301.030)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.000.000.000	12.200.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.250.000.000)	(13.550.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.750.000.000	(1.350.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		279.840.613	795.678.498
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.630.617.029	667.185.624
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.910.457.642	1.462.864.122

Nam Định, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Minh Khuê



Trần Thị Hồng Mến



Hoàng Hữu Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Mẫu số B 09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600324084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2003, thay đổi lần thứ 08 ngày 25 tháng 05 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 29.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: xây lắp điện, sản xuất, mua bán vật tư thiết bị điện.

Ngành nghề kinh doanh:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công công trình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán điện thoại các loại, Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: mua bán máy móc, thiết bị thi công công trình;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán lương thực, hàng nông, lâm thủy hải sản, phân bón nông nghiệp (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán các thiết bị máy văn phòng, văn phòng phẩm, hóa chất ngành in;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán khoáng sản (trừ các loại Nhà nước cấm);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị ngành điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;
- Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và đảm bảo duy trì đủ điều kiện đầu tư, kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Đối với ngành nghề kinh doanh có ghi mục chi tiết, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh trong phạm vi ngành, nghề chi tiết đã ghi.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy được.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

4.4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

4.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 20 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Quyền sử dụng đất	25 năm
-------------------	--------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

4.7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

4.8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng gồm:

- Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng xây dựng;
- Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng, các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Đối với hợp đồng với giá cố định, kết quả hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn bốn (04) điều kiện sau:

- Tổng doanh thu của hợp đồng tính toán được một cách đáng tin cậy;
- Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy;
- Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn hai (02) điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

- Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;

Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.10. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa xây dựng trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4.11. Nguyên tắc kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế GTGT, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

4.13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

4.14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: xây dựng, vật tư hàng hóa và các hoạt động khác

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở Nam Định nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

4.15. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2018	01/01/2018
Tiền mặt	1.146.251.331	130.566.733
Tiền gửi ngân hàng	764.206.311	1.500.050.296
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	1.910.457.642	1.630.617.029

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2018	01/01/2018
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	13.678.402.972	24.010.490.006
- Điện lực Nam Định	1.126.447.240	3.011.143.856
- Điện lực Phú Thọ	8.899.313.687	8.899.313.687
- Điện lực Hà Nam	-	2.538.041.119
- Công ty Cổ phần Xây Lắp và Dịch vụ Bảo Nam	-	3.431.477.937
- Công ty Cổ phần Thành Hoàng Nha Trang	2.130.202.882	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.300.843.525	3.470.059.278
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2018	01/01/2018
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	520.560.159	1.480.764.574
- Công ty Điện lực Phú Thọ	271.845.996	133.595.243
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	248.714.137	936.674.825
b) Trả trước cho người bán dài hạn		
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		

5.4 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	4.002.391.516	-	-	-
- Phải thu khác			-	
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	2.391.516		-	
- Tạm ứng	4.000.000.000			
b) Dài hạn	497.379.308	-	248.689.654	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	497.379.308		248.689.654	
c) Tạm ứng là các bên liên quan				
+ Ông Hoàng Minh Tuấn	1.000.000.000			
+ Ông Vi Trung Sơn	1.000.000.000			
+ Ông Hoàng Hữu Tuấn	1.000.000.000			

5.5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	4.234.990.138	-	4.430.094.779	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	5.000.006	-
Chi phí SXKD dở dang	2.769.441.686	-	2.845.047.948	-
Cộng	7.004.431.824	-	7.280.142.733	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	7.765.008.191	2.264.749.995	5.929.711.189	94.076.264	1.542.857.147	17.596.402.786
Tăng trong kỳ						
- Mua trong kỳ						
Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	7.765.008.191	2.264.749.995	5.929.711.189	94.076.264	1.542.857.147	17.596.402.786
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	552.275.980	1.786.415.667	519.884.389	93.803.540		2.952.379.576
Tăng trong kỳ	164.728.100	95.129.364	150.626.922	272.724		410.757.110
- Số khấu hao trong kỳ	164.728.100	95.129.364	150.626.922	272.724		410.757.110
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	717.004.080	1.881.545.031	670.511.311	94.076.264		3.363.136.686
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	7.212.732.211	478.334.328	5.409.826.800	272.724	1.542.857.147	14.644.023.210
2. Tại ngày cuối kỳ	7.048.004.111	383.204.964	5.259.199.878		1.542.857.147	14.233.266.100

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.040.771.458 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 940.697.570 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.7 TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	112.752.000	-	-	-	-	112.752.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	112.752.000	-	-	-	-	112.752.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	61.327.075	-	-	-	-	61.327.075
Tăng trong kỳ	4.413.228	-	-	-	-	4.413.228
- Số khấu hao trong kỳ	4.413.228	-	-	-	-	4.413.228
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	65.740.303	-	-	-	-	65.740.303
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	51.424.925	-	-	-	-	51.424.925
2. Tại ngày cuối kỳ	47.011.697	-	-	-	-	47.011.697

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5.8 .PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.932.610.857	1.932.610.857	11.558.754.743	11.558.754.743
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Tiên Phong	361.090.000	361.090.000	1.552.558.000	1.552.558.000
- Công ty TNHH Điện tử Điện lạnh Việt Nhật	-	-	985.066.030	985.066.030
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh TM Nam Bình	-	-	1.214.356.000	1.214.356.000
- Công ty TNHH đầu tư XD & TM Bảo Minh	-	-	1.642.767.500	1.642.767.500
- Công ty TNHH XD & PT TM Gia Hưng	-	-	1.617.112.200	1.617.112.200
- Công ty TNHH Đại Nguyên Dương	-	-	1.804.952.600	1.804.952.600
- Phải trả cho các đối tượng khác	1.571.520.857	1.571.520.857	2.741.942.413	2.741.942.413
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
5.9 .NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	724.388.271	724.388.271
- Công ty Cổ phần Hoàng thành Nha Trang	-	-	724.388.271	724.388.271
b) Người mua trả tiền trước dài hạn				
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.10 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	8.500.000.000	8.500.000.000	15.000.000.000	9.700.000.000	3.200.000.000	3.200.000.000
- Vay cá nhân	-	-	-	3.200.000.000	3.200.000.000	3.200.000.000
+ Bà Trần Thị Hồng	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Đào	-	-	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000
+ Ông Lê Hải Hường	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
+ Bà Trần Thị Hoa	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Ngân	-	-	-	800.000.000	800.000.000	800.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Oanh	-	-	-	700.000.000	700.000.000	700.000.000
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam (1)	8.500.000.000	8.500.000.000	15.000.000.000	6.500.000.000	-	-
b) Vay dài hạn	-	-	-	2.550.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	-	2.550.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000
Cộng	8.500.000.000	8.500.000.000	15.000.000.000	12.250.000.000	5.750.000.000	5.750.000.000

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành Nam Bắc Nam Định theo Hợp đồng tín dụng số 3202 LAV201800917 ngày 03 tháng 05 năm 2018, hạn mức cấp tín dụng là 15 tỷ đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, mục đích sử dụng là mua nguyên, nhiên vật liệu, trả lương công nhân và các chi phí khác phục vụ thi công xây lắp công trình, lãi suất cho vay 8%/năm. Tài sản thế chấp là của bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5.11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp, bù trừ trong kỳ	Cuối kỳ
a) Phải nộp	96.416.113	1.461.445.845	1.557.861.957	1
- Thuế GTGT	96.416.113	1.420.416.345	1.516.832.457	1
- Tiền thuê đất	-	37.027.500	37.027.500	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	4.002.000	4.002.000	-
b) Phải thu	Đầu năm	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Cuối kỳ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.911.077	58.951.366	30.000.000	11.959.711

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	-	12.000.084
- Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế	-	12.000.084
b) Dài hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHON LỘC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	29.550.000.000				831.787.778	30.381.787.778
Tăng vốn năm trước	-					-
Lãi trong năm trước					863.716.219	863.716.219
Tăng khác						-
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác						-
Số dư cuối năm trước	29.550.000.000	-	-	-	1.695.503.997	31.245.503.997
Tăng vốn trong kỳ này						-
Lãi trong kỳ này					235.805.466	235.805.466
Tăng khác						-
Giảm vốn trong kỳ này						-
Lỗ do hoàn nhập trong kỳ này						-
Giảm khác					(154.081)	(154.081)
Số dư cuối kỳ	29.550.000.000	-	-	-	1.931.155.382	31.481.155.382

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2018	01/01/2018
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	29.550.000.000	29.550.000.000
- Ông Hoàng Hữu Tuấn	18,76%	5.543.000.000	5.543.000.000
- Các đối tượng khác	81,24%	24.007.000.000	24.007.000.000
Cộng		29.550.000.000	29.550.000.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp đầu năm		29.550.000.000	29.550.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ			-
- Vốn góp giảm trong kỳ			
- Vốn góp cuối kỳ		29.550.000.000	29.550.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			-
d) Cổ phiếu		30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		2.955.000	2.955.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu phổ thông		2.955.000	2.955.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu phổ thông		2.955.000	2.955.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng	10.000 đồng

5.14 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
a) Doanh thu	14.204.163.437	105.564.644.717
Doanh thu hợp đồng xây dựng	13.342.186.587	104.434.042.010
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	861.976.850	1.130.602.707
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	-	40.325.000
6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Giá vốn của hàng đã bán	11.511.957.836	101.777.291.247
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	10.766.874.738	100.770.168.375
Giá vốn bán vật tư hàng hóa	745.083.098	1.007.122.872
Cộng	11.511.957.836	101.777.291.247

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, cho vay	2.616.864	53.945.788
Cộng	2.616.864	53.945.788
6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	270.711.441	241.791.160
Cộng	270.711.441	241.791.160
6.6 . THU NHẬP KHÁC		
Các khoản khác	52	11.295.441
Cộng	52	11.295.441
6.7 . CHI PHÍ KHÁC		
Các khoản khác	32.000	1
Cộng	32.000	1
6.8 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	2.129.322.243	3.084.631.768
Chi phí nhân viên	1.213.913.462	2.052.493.800
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	915.408.781	1.032.137.968
Cộng	2.129.322.243	3.084.631.768
6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.370.040.815	36.321.167.020
Chi phí nhân công	4.966.748.462	31.423.093.912
Chi phí khấu hao tài sản cố định	415.170.338	274.866.693
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.997.013	8.342.949.051
Chi phí bằng tiền khác		865.471.675
Cộng	13.694.195.071	77.227.548.351
6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	294.756.833	526.171.770
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
+ Chi phí không được trừ	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	294.756.833	526.171.770
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	58.951.367	105.234.354

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

6.12 LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	235.805.466	420.937.416
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.955.000	2.955.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>80</u>	<u>142</u>

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Kỳ này	Chỉ tiêu	Xây dựng	Vật tư, hàng hóa	Hoạt động khác	Tổng cộng
Kỳ trước	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	13.342.186.587	861.976.850	-	14.204.163.437
	Giá vốn	10.766.874.738	745.083.098		
	Lợi nhuận gộp theo bộ phận	2.575.311.849	116.893.752	-	2.692.205.601
Kỳ trước	Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				-
	Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				415.170.338
	Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				-
Kỳ trước	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	104.434.042.010	1.130.602.707	-	105.564.644.717
	Giá vốn	100.770.168.375	1.007.122.872		
	Lợi nhuận gộp theo bộ phận	3.663.873.635	123.479.835	-	3.787.353.470
Kỳ trước	Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				4.993.700.000
	Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				274.866.693
	Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (thứ yếu)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Nam Định nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ tài chính

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

8.6 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Ngày 30/06/2018	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.910.457.642		1.910.457.642
Phải thu khách hàng	13.678.402.972	-	13.678.402.972
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	4.002.391.516	497.379.308	4.499.770.824
Trừ:	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	19.591.252.130	497.379.308	20.088.631.438
Giá trị ghi sổ			
Các khoản vay và nợ	8.500.000.000	-	8.500.000.000
Phải trả người bán	1.932.610.857		1.932.610.857
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	10.432.610.857	-	10.432.610.857
Chênh lệch thanh khoản thuần	9.158.641.273	497.379.308	9.656.020.581
Ngày 01/01/2018	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.630.617.029		1.630.617.029
Phải thu khách hàng	24.010.490.006	-	24.010.490.006
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	-	248.689.654	248.689.654
Trừ:	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	25.641.107.035	248.689.654	25.889.796.689
Ngày 01/01/2018			
Các khoản vay và nợ	3.200.000.000	2.550.000.000	5.750.000.000
Phải trả người bán	11.558.754.743	-	11.558.754.743
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	12.000.084	-	12.000.084
Tổng cộng	14.770.754.827	2.550.000.000	17.320.754.827
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.870.352.208	(2.301.310.346)	8.569.041.862

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay				
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.680.794.488	24.010.490.006	17.680.794.488	24.010.490.006
Tài sản tài chính khác				
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.910.457.642	1.630.617.029	1.910.457.642	1.630.617.029
Tiền và các khoản tương đương tiền				
Tổng cộng	19.591.252.130	25.641.107.035	19.591.252.130	25.641.107.035
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	8.500.000.000	5.750.000.000	8.500.000.000	5.750.000.000
Phải trả người bán	1.932.610.857	11.558.754.743	1.932.610.857	11.558.754.743
Phải trả khác	-	12.000.084	-	-
Tổng cộng	10.432.610.857	17.320.754.827	10.432.610.857	17.308.754.743

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

8.7 . Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan**

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Hoàng Hữu Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Hoàng Minh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Vi Trung Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh các bên liên quan đã nêu trên, trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị
Ông Hoàng Minh Tuấn	Tạm ứng	1.000.000.000
Ông Hoàng Hữu Tuấn	Tạm ứng	1.000.000.000
Ông Vi Trung Sơn	Tạm ứng	1.000.000.000

b) Thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND
Ông Hoàng Hữu Tuấn	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc	51.900.000
Ông Vi Trung Sơn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	42.300.000
Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban kiểm soát	29.100.000
Ông Trần Văn Bảy	TV Ban kiểm soát	30.300.000
Ông Hoàng Minh Tuấn	TV Ban kiểm soát	36.300.000
Tổng cộng		189.900.000

8.8 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.9 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.10 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nam Định, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Minh Khuê

Trần Thị Hồng Mến

Hoàng Hữu Tuấn